

Báo cáo

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN QUỐC TẾ VÀ SUY NGHĨ VỀ CHỖ ĐÚNG CỦA CÔNG NGHIỆP PHẦN MỀM VIỆT NAM TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

(hay: Về luận đề “Không có ngành kinh tế nào ẩn chứa tiềm năng mang lại hiệu quả toàn diện và to lớn hơn trong khoảng 15 - 20 năm tới đây cho đất nước ta so với CNpPM&DV CNTT, một cơ hội quý giá có thể nắm bắt”)

Thực hiện: TS. Nguyễn Trọng

Hiệu Trưởng trường CĐ Nghề CNTT iSPACE

Nguyên Chủ Tịch Hội Tin Học TP HCM các khóa 2&3

Nguyên Chánh Văn Phòng Ban Chỉ Đạo Quốc Gia về CNTT

Nguyên Tổng Biên Tập Tạp Chí Thế Giới Vi Tính - PCW VN

Báo cáo gồm 3 phần:

Phần I

Toàn cảnh thị trường CNTT quốc tế trong tình hình suy thoái hiện nay

Phần này cung cấp bức tranh toàn cảnh về tình hình chung thị trường CNTT thế giới qua các số liệu 2008, các dự báo 2009 của các hãng nghiên cứu về thị trường CNTT toàn cầu. Báo cáo sẽ đi sâu vào từng mảng thị trường CNTT: công nghiệp bán dẫn, công nghiệp phần cứng, công nghiệp phần mềm & dịch vụ, thị trường ứng dụng CNTT, thị trường gia công về CNTT. Từ đó rút ra các nhận định về tình hình phát triển CNTT trong giai đoạn khó khăn của kinh tế thế giới hiện nay.

Phần II

CNpPM&DV CNTT Việt Nam - một thành phần còn nhỏ bé nhưng đầy tiềm năng trong CNpCNTT nói riêng và trong nền kinh tế Việt Nam nói chung

Phần này sẽ đặt CNpPM&DV CNTT VN bên cạnh những ngành kinh tế khác để thấy rõ rằng CNpPM&DV CNTT VN còn rất nhỏ bé so với các khu vực kinh tế khác. Tuy nhiên một chân lý khác cũng sẽ được làm sáng tỏ là CNpPM&DV CNTT chính là ngành có khả năng nhất để đưa đất nước ta phát triển nhanh, phát huy được những lợi thế tương đối của Việt Nam trên bản đồ kinh tế toàn cầu.

Phần III

Suy nghĩ về hành động của chúng ta để đưa CNpPM&DV CNTT VN lên vị trí chiến lược trong chiến lược chung phát triển đất nước và lên tầm cao quốc tế

Trên cơ sở những luận cứ nêu trong các phần I và II, chúng ta có thể tiệm cận đến một kết luận rất quan trọng về vị thế chiến lược có thể có của CNpPM&DV CNTT trong mối tương quan với các ngành công nghiệp khác trong chiến lược chung phát triển đất nước. Thông điệp chính mà thông qua báo cáo này, HCA muốn chuyển tới toàn xã hội, chuyển tới các cơ quan lãnh đạo cao nhất là Đảng, Quốc Hội, Chính Phủ là: *Không có ngành kinh tế nào ẩn chứa tiềm năng mang lại hiệu quả toàn diện và to lớn hơn trong khoảng 15 - 20 năm tới đây cho đất nước ta so với CNpPM&DV CNTT và khả năng để Việt Nam có mặt trong các quốc gia hàng đầu về CNpPM&DV CNTT vào khoảng năm 2025 là hiện thực. Trong chiến lược chung phát triển đất nước, ngành CNpPM&DV CNTT cần được đặt ở vị trí một ngành công nghiệp chiến lược. Khó khăn lớn nhất phải vượt qua là từ nay tới đó, chúng ta cần đào tạo được khoảng 1 triệu KSPM có trình độ quốc tế. Mục tiêu này không quá tầm tay của chúng ta, nhưng đòi hỏi quyết tâm cao của Đảng và Nhà Nước, sự đồng thuận và những nỗ lực cao độ của toàn xã hội.*

Từ đó đề xuất những việc cần làm, để CNpPM&DV CNTT được đặt vào vị trí một ngành công nghiệp chiến lược. Đó là bước khởi đầu để CNpPM&DV CNTT Việt Nam có thể trở thành một lực lượng kinh tế đáng kể trong nước, một thành phần có tên tuổi vững vàng trên thị trường CNTT quốc tế trong khoảng vài chục năm tới đây.

Phần I

Toàn cảnh thị trường CNTT quốc tế trong tình hình suy thoái hiện nay

I. Thị trường chung CNTT toàn cầu có suy giảm, tuy vẫn tương đối ổn định

CNPcNTT là ngành ít những biến động lớn, vẫn tương đối bền vững trong bối cảnh suy thoái kinh tế nghiêm trọng, khi mà nhiều ngành công nghiệp cực kỳ quan trọng như ô tô, tài chính, du lịch, truyền thông, xây dựng, ... đang rất khó khăn.

Khảo sát có tính chất định tính về thị trường CNTT quốc tế của Goldman Sachs vào cuối năm 2008 cho thấy ý kiến của các doanh nghiệp CNTT thì một mặt có nhuốm màu bi quan nhưng mặt khác lại cũng không hẳn như vậy. Ý kiến tại 2 thời điểm 8/2008 và 10/2008 của trên 500 doanh nghiệp CNTT cho nhận định chung về triển vọng thị trường CNTT như sau: khả năng thị trường năm 2009 suy giảm so với 2008 thì vào tháng 8 có 27% ý kiến YES, đến tháng 10 ý kiến YES đã tăng lên 38%. Việc tăng lên những ý kiến về khả năng suy giảm thì có lẽ không mấy ngạc nhiên, điều đáng ngạc nhiên là vẫn còn khá đông ý kiến cho rằng thị trường sẽ gia tăng, dù từ 40% đã giảm còn 28%. Thực ra đó là phản ánh những góc nhìn khác nhau về thị trường CNTT toàn cầu trong tình thế hiện nay.

Bảng 1.1 Ý kiến các doanh nghiệp CNTT về triển vọng thị trường (Goldman Sachs)

Khảo sát của Goldman Sachs cho ta bức tranh chi tiết hơn như trong bảng 2.

Bảng 1.2 IT spending survey, Source: Goldman Sachs (11/2008)

Các hãng nghiên cứu thị trường nổi tiếng về CNTT như IDC và đặc biệt là Gartner cũng đã qua nhiều lần hiệu chỉnh các dự báo của mình về tương lai của thị trường CNTT toàn cầu. Những dự báo định lượng gần đây nhất (thời điểm báo cáo này được chuẩn bị là cuối tháng 5/2009), cho ta các định lượng khá rõ về thị trường CNTT toàn cầu năm 2009.

	2007 Spending	2008 Spending	2008 Growth (%)	2009 Spending	2009 Growth (%)
All IT	3074	3,360.3	6.1	3,234.0	-3.8

Bảng 1.3 Worldwide IT Spending Forecast (Bill. USD), Source: Gartner (3/2009)

Năm 2007, tổng thị trường CNpCNTT toàn cầu là gần 3100 tỷ USD thì năm 2008 là 3360 tỷ USD, tăng trên 6% và trong báo cáo tháng 3 năm nay, sau nhiều lần hiệu chỉnh, Garner dự báo năm 2009 sẽ là 3234 tỷ USD, giảm 3,4% so với năm 2008 (theo dự báo của IDC thì tốc độ suy giảm là khoảng trên 4%).

Cụ thể hơn, ta có từng khu vực thị trường như sau:

- Thị trường phần cứng giảm khá mạnh, khoảng 15% so với 2008, tức giảm khoảng 55 tỷ USD.
- Thị trường phần mềm ổn định so với 2008, tăng chút ít, khoảng 0,3% tức khoảng gần 1 tỷ USD.
- Thị trường dịch vụ giảm ít nhiều, khoảng 1,7%, tức giảm khoảng 13 tỷ USD.
- Thị trường viễn thông giảm, khoảng 2,9% tức cỡ 55 tỷ USD.

Tiếp theo, chúng ta đi sâu hơn vào các khu vực thị trường chính của công nghiệp máy tính là thị trường phần cứng và thị trường phần mềm – dịch vụ với những nhận định tổng quát vừa nêu.

II. Thị trường phần cứng giảm mạnh

Bảng 1.3 cho thấy tình hình chung thị trường phần cứng suy giảm khá mạnh trong năm 2009, khoảng 15% so với 2008. Những số liệu sau đây cho ta chi tiết tình hình quý 1, thị trường PC suy giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2008, thị trường server còn giảm nhiều hơn nữa, khoảng 24%.

Company	1Q09 Shipments	1Q09 Market Share (%)	1Q08 Shipments	1Q08 Market Share (%)	1Q09-1Q08 Growth (%)
Total	67,209	100.0	71,846	100.0	-6.5

Bảng 1.4 Worldwide PC Vendor Unit Shipment Estimates for 1Q09 (Thousands of Units), Source: Gartner (4/2009)

Company	1Q09 Revenue	1Q09 Market Share (%)	1Q08 Revenue	1Q08 Market Share (%)	1Q08-1Q09 Growth (%)
Total	10,159	100.0	13,361	100.0	-24.0

Bảng 1.5

Company	1Q09 Shipment	1Q09 Market Share (%)	1Q08 Shipment	1Q08 Market Share (%)	1Q08-1Q09 Growth (%)
Total	1,721,702	100.0	2,271,052	100.0	-24.2

Bảng 1. 5&6 Worldwide Server Vendor Revenue (Mill. USD) & Shipment (Units), 1Q09, Source: Gartner (6/2009)

Vào tháng 5 năm nay, các thống kê của SIA (Semiconductor Industry Association) cho biết doanh số chip bán ra thị trường đã tăng 6,4% so với tháng 4, đạt 14,7 tỉ USD, tuy nhiên vẫn giảm 25% so với cùng kỳ năm ngoái.

Chủ tịch SIA, George Scalise dự đoán rằng “sản lượng điện thoại toàn cầu sẽ chỉ giảm khoảng 7% trong năm nay so với mức giảm 15% như dự đoán bị quan trước đây, sản lượng PC cũng chỉ giảm 6%, so với mức 12% như dự báo trước đây”. Ông cũng cho biết doanh số PC và các thiết bị cầm tay chiếm tới 60% thị trường vì mạch, vì vậy ông cho rằng quá sớm để tiên đoán về một sự hồi phục của thị trường chip sau những dấu hiệu ban đầu của thị trường chip thủng qua. Dù sao, báo cáo của SIA đã khiến Gartner tăng mức dự báo sản lượng chip cho năm 2009. Gartner dự báo rằng doanh thu chip trong năm nay sẽ giảm 22%, đạt mức 198 tỉ USD; trong khi dự báo trước đây là giảm 24,1%.

Phó chủ tịch Gartner, Bryan Lewis, nhận định: “Mặc dù có một số thông tin lạc quan nhưng nhìn chung thị trường chip năm nay vẫn còn rất ảm đạm. Vẫn có rất ít những bằng chứng cho thấy chúng đang hồi phục, ngoại trừ tại thị trường Trung Quốc”.

Việc thị trường máy tính cả PC và Servers suy giảm kéo theo thị trường toàn cầu về chip suy giảm và do đó mà thị trường Semiconductor Capital Equipment, những cỗ máy cái sản xuất ra các linh kiện cho công nghiệp máy tính, trong năm 2009 sẽ giảm nghiêm trọng hơn, lên đến 45%. Khách hàng giảm thì dĩ nhiên sản xuất cũng phải giảm theo. Gartner dự báo đáy suy giảm của công nghiệp thiết bị bán dẫn là 2009, sẽ từ từ leo lên giốc từ 2010, như cũng phải tới những năm 2013, 2014 thì thị trường mới trở lại ngang với 2008.

Bảng 1.7 Worldwide Semiconductor Capital and Equipment Spending Forecasts (Millions of Dollars), Source: Gartner (3/2009)

III. Thị trường phần mềm và dịch vụ 2009 tương đối ổn định so với năm 2008

Như trong bảng 1.3, ta thấy tổng thị trường phần mềm và dịch vụ toàn cầu năm 2009 có thể giảm gần 13 tỷ USD, tức chừng 1,2%, trong đó thị trường phần mềm tăng chút ít (0,3%) còn thị trường dịch vụ giảm 1,7%.

Thị trường CNTT tăng hay giảm, yếu tố quyết định là đầu tư ứng dụng CNTT của xã hội như thế nào. Về vấn đề này, các hãng điều tra thị trường đã làm rất nhiều khảo sát. Đáng chú ý nhất là những khảo sát về đầu tư cho CNTT của các doanh nghiệp. Bảng 1.8 cho ta thấy mặc dù tình hình kinh tế chung đang suy thoái, tuy nhiên đến 80% các DN vẫn dự kiến tăng chi tiêu cho CNTT hoặc chỉ ít thì giữ nguyên như 2008. Bảng 1.8 dưới đây trích 2 nguồn thông tin, một của SIM (Society for Information Management) và một của Gartner. Những kết quả cho khá trùng khớp. Lý do mà hầu hết các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư cho CNTT như 2008 và cao hơn là: các DN đều cho rằng CNTT giúp họ cắt giảm chi phí ở nhiều công đoạn tổ chức sản xuất – kinh doanh và hiệu quả mang lại cao hơn so với phần tăng lên hoặc chỉ ít là duy trì như 2008 những chi phí cho CNTT. Tuy nhiên, như trên khi khảo sát về thị trường phần cứng thì cũng thấy rõ xu hướng tiết giảm chi tiêu cho trang bị mới mà tập trung cho gia tăng các giải pháp sử dụng CNTT trong các tiến trình SX- KD.

Bảng 1.8 Ý kiến các doanh nghiệp về ngân sách cho ứng dụng CNTT, nguồn: tổng hợp

Gartner cũng đã làm các khảo sát rộng lớn về thị trường ứng dụng toàn cầu, với từng nhóm ứng dụng mà các công ty tư vấn gọi là Vertical Markets và với từng khu vực địa lý. Hầu hết các khu vực thị trường ứng dụng CNTT đều tăng, thị trường phân theo vùng địa lý thì đều tăng ở những thị trường lớn và quan trọng, trừ Nhật Bản.

Industry	IT Spending 2009	IT Spending 2008	Growth (%)
Total	2,676,850	2,662,825	0.5

Bảng 1.9 Worldwide IT Spending by Vertical Markets, 2009 (Millions of Dollars)
Source: Gartner (2/2009)

Từ góc độ các doanh nghiệp sử dụng thì họ cho rằng sẽ có những sản phẩm / dịch vụ của một số hãng được tăng lên trong khi một số hãng khác có thể sụt giảm trong định hướng chi tiêu CNTT của họ, thể hiện qua bảng sau:

Which software providers are gaining or losing share of your IT spending	
Gaining	Losing
1. VMware	1. Novell
2. Red Hat	2. Informatica
3. Microsoft	3. TIBCO
4. Citrix	4. CA
5. Cisco Software/Security	5. IBM Software
6. EMC Software (ex-VMware)	
7. CommVault	
8. Adobe	
9. Oracle	
Source: Goldman Sachs IT Spending Survey.	

Bảng 1.10 Ý kiến các DN ứng dụng về chi tiêu PM/ DV giành cho các hãng PM / DV, Source: Godlman Sachs (12/2008)

Trong khi nhìn chung thị trường phần mềm ổn định, thì có những khu vực tăng mạnh, chẳng hạn thị trường SaaS (Software as a Service), thị trường ảo hóa (Virtualisation)... SaaS là những giải pháp trong một số lĩnh vực như ERP, SCM (Supply Chain Management), HCM (Human Capital Management), CRM (Customer Relation Management), ...

	2009	2008
Total SaaS Delivery of Enterprise Software	8,035	6,591

Bảng 1.11 Worldwide Software Revenue for SaaS Delivery Within the Enterprise Application Software Markets(Millions of Dollars), Source: Gartner (5/2009)

Còn về thị trường ảo hóa thì Gartner cho dự báo còn sáng sủa hơn. Ảo hóa là công nghệ mềm rất quan trọng, nhiều quan sát công nghệ cho đó là một trong 10 công nghệ quan trọng bậc nhất của 2009, giúp các doanh nghiệp tiết giảm đáng kể đầu tư cho trang bị máy tính trong những hệ thống thông tin trong khi gia tăng năng lực của hệ thống.

	total
2008	1905
2009	2698.6

Bảng 1.12 Worldwide Virtualisation Market, Source: Gartner (2/2009)

Về sự suy giảm ít nhiều của thị trường dịch vụ ta thấy các dịch vụ chủ yếu hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng lực quản lý không có những sút giảm đáng kể nào, thậm chí vẫn tăng.

Segment	2007	2008	2009
Total Market	748,025	819,106	796,444

Bảng 1.13 Worldwide IT Services End-User Spending by Segment (Millions of Dollars), Source: tổng hợp Gartner 6/2008, updated 3/2009 và nguồn khác

IV. Thị trường Outsourcing: nhu cầu gia tăng, giá giảm khoảng 10%

Một mảng dịch vụ quan trọng, đặc biệt đối với việc xác định chiến lược phát triển cho CNpPM&DV CNTT Việt Nam, là thị trường outsourcing. Bức tranh của thị trường này nói chung là sáng sủa. Theo hãng tư vấn Frost & Sullivan thì tổng thị trường SSO (services and outsourcing) toàn cầu năm 2006 khoảng 930 tỷ USD với Top của thị trường này là về tài chính và bảo hiểm, cỡ 273 tỷ USD, tiếp đến là ICT khoảng 233 tỷ. Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm 15%, sẽ đạt gần US\$1500 tỷ USD vào cuối năm 2009 với khoảng 350 tỷ cho ICT.

Allie Young, Vice President và là nhà phân tích hàng đầu của Gartner nhận định rằng:

“Although things look gloomy for the larger global economy, the outsourcing market represents a dichotomy: on the downside, organizations' cost-cutting outsourcing strategies may negatively impact market growth, but at the same time, the upside is that outsourcing will be adopted by more organizations to help them work through financial and competitive challenges”.

Một khảo sát của Gartner tại châu Âu cho biết:

“Almost 60 per cent of organisations in Western Europe will outsource more IT and business process functions in 2009”.

Tại Mỹ cũng vậy, trong một báo cáo mới đây, Gartner cho biết:

“The current U.S. economic slowdown will lead buyers of IT services to consider increasing the percentage of their labour in offshore, lower-cost locations”.

Như vậy có thể khẳng định chính tình hình suy thoái của nhiều ngành kinh tế dẫn đến nhu cầu outsourcing gia tăng cả ở châu Âu, cả ở Mỹ. Tuy nhiên các bên yêu cầu gia công đều hướng tới việc tìm kiếm những hợp đồng gia công với giá thấp hơn so với năm 2008 trở về trước.

Báo cáo của Gartner “*European Outsourcing and Services Survey Reveals Client Organisation Priorities for 2009*” được thực hiện vào 12/2008 cho thấy bức tranh về nhu cầu outsourcing ở châu Âu. Chẳng hạn một điều tra với 116 công ty ở Tây Âu cho thấy trên 70% các công ty đều xem giá gia công là mối quan tâm hàng đầu của họ trong mùa gia công 2009, tỷ lệ về mối quan tâm này tăng 17,5% so năm 2007. Cuộc điều tra này cũng bổ xung thông tin về nhu cầu outsourcing gia tăng khi mà tỷ lệ những công ty cho biết họ đang khởi đầu việc thương lượng các hợp đồng gia công lên đến 36%, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2007.

Về giá gia công giảm, Gartner dự đoán giá sẽ giảm từ 5% đến 20%, cụ thể hơn, Gartner cho thấy tình hình của các công ty Bắc Mỹ và châu Âu như sau.

IT Infrastructure Outsourcing Services	Average Outsourcing Price Reductions
Data center services	5% to 15%
Desktop/help desk services	5% to 10%
Network services	10% to 15%
Application hosting services	10% to 20%

Bảng 1.14 Potential Average Outsourcing Price Reductions in 2009/2010, North America and European Union, Source: Gartner (2/2009)

Phần II

CNpPM&DV CNTT Việt Nam - một thành phần còn nhỏ bé nhưng rất lợi thế trong CNpCNTT nói riêng và trong nền kinh tế VN nói chung

I. CNpPM&DV CNTT Việt Nam là ngành còn rất nhỏ bé trong mối tương quan với các ngành công nghiệp khác của cả nước.

Trong những năm gần đây, công nghiệp CNTT (CNpCNTT) đã dần trở thành một khái niệm, một thực thể được quan tâm trong đời sống kinh tế - xã hội của VN. Tuy nhiên, chỗ đứng của nó còn chưa thật rõ ràng. Trong các thống kê kinh tế định kỳ của nhà nước, ta chưa thấy rõ ngành này. Có thể tạm hiểu rằng ngành sản xuất thiết bị máy tính, hay ta thường gọi là CNp Phần Cứng, CNp Bán Dẫn nằm trong các thống kê của ngành Công Nghiệp Chế Biến, còn ngành Công Nghiệp Vận Tải, Kho Bãi và Thông Tin Liên Lạc thì chứa ngành Viễn Thông. Trong một số tư liệu của TCTK (chưa phải ở tầm các thống kê định kỳ mà thông qua những cuộc điều tra) những năm gần đây đã thấy xuất hiện ngành công nghiệp “Kinh Doanh tài Sản và Dịch Vụ Tư Vấn” trong đó có chứa phân ngành “Các hoạt động liên quan đến máy tính”. Dù có thể chưa hoàn toàn chính xác, chúng ta có thể xem đó là các số liệu tương đối tin cậy về lĩnh vực phần mềm và dịch vụ CNTT ở nước ta. Cùng với những dữ liệu này, chúng ta sẽ cố gắng tận dụng thông tin trong một số thông tin của Bộ TT&TT, của VINASA mà báo chí đưa tin và quan trọng hơn là thông tin từ các cuộc điều tra do Hội Tin Học TP HCM thực hiện để vẽ nên một bức tranh tương đối rõ nét về CNpPM&DV CNTT ở nước ta, điều mà ai quan tâm đến CNTT VN thì có lẽ cũng đều mong muốn được thấy.

Bảng 2.1 dưới đây cho ta hình dung về quy mô hiện thời của CNpPM&DV CNTT trong toàn cảnh nền kinh tế đất nước. Ngành này mới chỉ đóng góp cho GDP quốc gia cỡ 0,5%, bằng khoảng 10% đóng góp của ngành vào loại nhỏ nhất trong những ngành kinh tế được định danh trong các số liệu của TCTK là ngành “Khách Sạn – Nhà Hàng”. Rõ ràng CNpPM&DV CNTT còn rất nhỏ bé, và để nhìn rõ hơn về sự nhỏ bé này ta sẽ xem về quy mô vốn, tình hình lực lượng lao động trong ngành này so với các ngành khác.

	<i>GDP</i> 2005 Tỷ Đồng	<i>GDP 2006</i> Tỷ Đồng	<i>Sơ bộ</i> 2007 Tỷ Đồng	<i>Dự báo 2008</i> WB
TỔNG SỐ	839211	974266	1144015	1250000
Liên quan đến máy tính (có thể xem chủ yếu là phần mềm & dịch vụ)	1855	2351	3399	6366
Tỷ lệ đóng góp vào GDP QG		0,24%	0,3%	0,51%
Doanh số CNpPM&DV theo HCA		4023	5816	10839

Số liệu tham khảo

Doanh số CNpPM&DV theo HCA	251 M.USD	352 M.USD	648 M.USD
Doanh số PM & NDS theo Bộ TT&TT (báo chí đưa tin)		~498 M.USD	~678 M.USD
Doanh số PM theo VINASA (báo chí đưa tin)		~500 M.USD	~600 M.USD

Bảng 2.1 Quy mô ngành CNpPM&DV trong nền kinh tế, nguồn: xử lý từ thông tin của TCTK, Bộ TT&TT và VINASA (báo chí đưa tin), HCA (6/2009)

Các số liệu của TCTK các năm 2005, 2006 cho ta thấy vốn kinh doanh trung bình của các doanh nghiệp ngành CNpPM&DV CNTT khoảng 2 tỷ đồng, là thấp nhất trong tất cả các ngành, có thể so với ngành thủy sản với vốn kinh doanh hàng năm trung bình của các doanh nghiệp cũng cỡ 2 – 3 tỷ đồng.

Vốn kinh doanh năm của DN	vốn 05	vốn/DN05	vốn 06	vốn/DN06
TỔNG SỐ	2430727	21.52	3062704	23.32
Liên quan đến máy tính	1947	2.03	2548	2.08

Bảng 2.2 Vốn kinh doanh trung bình (tỷ đồng) hàng năm của doanh nghiệp theo ngành, nguồn: TCTK

Về quy mô nhân lực trong các doanh nghiệp, các số liệu của TCTK cho thấy các doanh nghiệp CNpPM&DV CNTT có quy mô nhân lực trung bình nhỏ nhất trong các ngành công nghiệp, chỉ khoảng 15 người / doanh nghiệp, tương đương với ngành “Thương nghiệp; sửa chữa xe có động cơ, đồ dùng gia đình”. Về số lượng các doanh nghiệp nhỏ, với số nhân lực

ít hơn 10 người thì CNpPM&DV CNTT là loại ngành có tỷ lệ các doanh nghiệp nhỏ cao nhất, khoảng trên 70%.

Bảng 2.3 Quy mô nhân lực các doanh nghiệp theo ngành, nguồn: xử lý từ thông tin của TCTK

II. CNpPM&DV CNTT là ngành kinh tế có rất nhiều lợi thế so với các ngành khác.

Trước hết chúng ta xem qua một số nghiên cứu định lượng nhưng mang tính khái quát cho ta thấy rõ lợi thế của ngành CNpPM&DV CNTT so với các ngành khác.

Bảng dưới đây cho thấy hiệu xuất giá trị gia tăng trên doanh số của một số ngành. Phần của CNpPM&DV CNTT hiện chưa có các nghiên cứu, chúng tôi lấy nghiên cứu về CVPM Quang Trung làm số liệu đại diện ngành. Hiệu xuất VA/GO (Value Added / Growth Output) của ngành CNpPM&DV CNTT là cao nhất.

VA / GO theo ngành	2008	2007
T toàn ngành công nghiệp	23,5	26,3
Sản xuất điện nước	40,7	
Sản xuất vật liệu xây dựng	35,9	
Chế biến nông sản thực phẩm	29,4	
Sản xuất máy móc thiết bị	24,7	
Hóa chất, cao su, nhựa	24,5	
Giấy và sản phẩm từ giấy	22,8	
Chế biến gỗ và sản xuất giường tủ bàn ghế	21,6	
Sản xuất kim loại	18,3	
Điện tử, CNTT, thiết bị văn phòng		13,8
CNpPM (Quang Trung)	55,6	

Bảng 2.4 Tỷ số VA/GO của một số lĩnh vực công nghiệp, nguồn: tổng hợp từ nhiều nghiên cứu

Một chỉ số khác cũng đáng chú ý là chỉ số ICOR (Incremental Capital Output Ratio). Đây là một chỉ số kinh tế nói lên hiệu quả đầu tư của một lĩnh vực hay của toàn nền kinh tế (nếu xem xét ICOR quốc gia) đóng góp vào sự gia tăng GDP. Xét các lĩnh vực trong một nền kinh tế phát triển còn thấp thì chỉ số càng cao nói lên hiệu quả đầu tư của lĩnh vực càng thấp. Tuy nhiên khi trình độ phát triển kinh tế đạt mức độ cao thì xu thế chung là chỉ số này tăng lên. Bảng sau đây cho ta một hình dung về ưu thế của CNpPM&DV CNTT trong nước so với một số ngành khác. ICOR của Việt Nam vào khoảng 4,7, cao hơn khá nhiều các quốc gia khác vào những thời kỳ mà họ phát triển ở mức độ tương tự Việt Nam hiện nay. Nghĩa là hiệu quả đầu tư của ta nói chung thấp hơn các quốc gia đó. Ngành CNpPM&DV CNTT cũng lấy số liệu của CV PM Quang Trung làm đại diện cho ta thấy hiệu quả cao hơn hẳn so với hiệu quả trung bình toàn thể.

QG / VLT	ICOR	
Đài Loan		2,7 trong giai đoạn 81-90
Trung Quốc		4,1 trong giai đoạn 91-03
Hàn Quốc		3,2 trong giai đoạn 81-90
Nhật		3,2 trong giai đoạn 61-70
Việt Nam	4,76 (2007)	năm 2000 là 4,8; năm 2001 là 4,93; năm 2002 là 4,87; năm 2003 là 4,96
CNpPM (QT)	2 (2008)	

Bảng 2.5 Chỉ số ICOR tham khảo, nguồn: tổng hợp từ nhiều nghiên cứu

Những số liệu trên phần nào cho ta thấy lợi thế của CNpPM&DV CNTT so với các ngành khác. Tuy nhiên xem xét kỹ hơn những số liệu thống kê ta còn thấy bức tranh đậm nét hơn. Như trên đã thấy, các doanh nghiệp trong ngành CNpPM&DV CNTT rất nhỏ, ít vốn, đứng vào nhóm cuối cùng của những chỉ số này! Tuy nhiên, về hiệu quả vốn kinh doanh đóng góp cho GDP thì ngành này cho hiệu quả vào loại cao nhất, có thể so sánh với ngành khai thác mỏ. Có lẽ điều này không khó hiểu lắm vì một ngành thì khai thác tài nguyên thiên nhiên còn một ngành khai thác tài nguyên nhân lực.

		Vốn 05 KD của	GDP / vốn KD		vốn 06 KD của	GDP / vốn
Hiệu quả vốn	GDP 05	DN	05	GDP 06	DN	KD 06
Công nghiệp khai thác mỏ	88897	88088	1.00	99702	103499	0.96
Liên quan đến máy tính	1855	1947	0.95	2351	2548	0.92

Bảng 2.6 Hiệu quả vốn trong GDP, nguồn: xử lý từ thông tin của TCTK

Còn về lực lượng lao động nhỏ bé trong từng doanh nghiệp thì điều chúng ta rất quan tâm là năng xuất lao động hay một cách nhìn khác tổng hợp hơn, đó là hiệu xuất đóng góp của lao động vào GDP quốc gia trong từng ngành kinh tế. Đây là chỉ số tổng hợp rất quan trọng để chúng ta xem xét về chiến lược phát triển của các ngành trong tổng thể chiến lược chung. Bảng tổng hợp về đóng góp GDP, lực lượng lao động trong từng ngành và hiệu quả đóng góp vào GDP của lực lượng lao động cho ta thấy trung bình 1000 lao động đóng góp cho GDP quốc gia khoảng 22 tỷ vào năm 2006, lên 26 tỷ vào năm 2007. Theo từng ngành thì vào năm 2006 cao nhất là Công Nghiệp Khai Thác Mỏ với 269 tỷ cho 1000 lao động, kế đến là ngành Sản Xuất, Phân Phối Điện, Khí Đốt và Nước, cũng là một dạng khai thác và dịch vụ tài nguyên thiên nhiên, với 193 tỷ đồng cho 1000 lao động và thứ 3 là CNpPM&DV CNTT với 124 tỷ đồng cho 1000 lao động. Sang năm 2007 vị trí chưa thay đổi, với số 1 vẫn là Công Nghiệp Khai Thác Mỏ với 281 tỷ cho 1000 lao động, thứ 2 là Sản Xuất, Phân Phối Điện, Khí Đốt và Nước với 202 tỷ đồng, thứ 3 vẫn là CNpPM, đạt 166 tỷ đồng (số liệu của HCA, không có số liệu của TCTK), đã rút lại khá nhiều khoảng cách với vị trí số 2. Sang năm 2008 thì chúng ta không có số liệu cho các ngành số 1 và số 2 truyền thống. Ngành CNpPM&DV CNTT đã đạt 240 tỷ đồng cho 1000 lao động, có lẽ đứng vững ở vị trí số 2. Ba ngành này vượt xa tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành

khác. Chú ý rằng ta nói về năng xuất trong khối các doanh nghiệp của ngành chứ không nói năng xuất chung của ngành kinh tế. Nếu nói năng xuất chung ngành kinh tế thì chẳng hạn ngành Nông Nghiệp & Lâm Nghiệp sẽ còn thấp hơn nhiều, ngành Thủy Sản cũng vậy vì ngoài các doanh nghiệp còn các lao động cá thể với hiệu quả nhìn chung còn thấp hơn.

Hiệu xuất đóng góp vào GDP của lao động theo ngành	GDP 2005 Tỷ Đồng	Số LĐ 05 Ngàn người	NS tỷ / ngàn LĐ 05	GDP 2006 Tỷ Đồng	Số LĐ 06 ngàn người	NS tỷ / ngàn LĐ 06	Sơ bộ 2007 Tỷ Đồng	Số LĐ 07 ngàn người	NS tỷ / ngàn LĐ 07
TỔNG SỐ	839211	42527	20	974266	43339	22	1144015	44172	26
Khách sạn và nhà hàng	29329	768	38	35861	783	46	44953	814	55
Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc (bao gồm bưu chính và viễn thông)	36629	1208	30	43825	1214	36	50769	1217	42
Tài chính, tín dụng	15072	156	96	17607	183	96	20752	210	99
Liên quan đến máy tính (có thể xem chủ yếu là phần mềm & dịch vụ)	1855	15	124	2351	19	124	3399	20.53	166
HCA 2007, 2008							6366	26.56	240

Bảng 2.7 Hiệu quả đóng góp vào GDP (NS – Năng Suất/1000 lao động) của lực lượng lao động theo ngành, nguồn: xử lý từ thông tin của TCTK, HCA

Dĩ nhiên, chúng ta cũng hiểu rằng chất lượng lao động của lực lượng lao động trong ngành CNpPM&DV CNTT là cao hơn so với các ngành khác, chi phí đào tạo cũng cao hơn.

III. CNpPM&DV CNTT VN đã bước đầu được thế giới biết đến.

Trong các lĩnh vực của công nghiệp công nghệ cao, của kinh tế tri thức thì Việt Nam đã đặt chân được vào CNpPM&DV CNTT. Ít nhiều quốc tế đã biết đến Việt Nam. Trong nhiều khảo sát quốc tế về CNpPM thì Việt Nam đã được kể đến, dù rằng chưa được đánh giá cao. Trong 2 năm liên tiếp, 2007 và 2008 Gartner đã đưa Việt Nam vào danh sách 30 nước gọi là “**Top 30 locations for offshore services**”. Cụ thể như sau:

2007 Gartner’s top 30 locations for offshore services

2008 Gartner’s top 30 locations for offshore services

Tại vùng Asia/Pacific ta thấy 9 quốc gia giữ được vị trí này trong sự lựa chọn của cả 2 năm là: Australia, China, India, Malaysia, New Zealand, Pakistan, the Philippines, Singapore và Vietnam. Năm 2007 có Sri Lanka và năm 2008 được thay bằng Thailand. Tuy vậy, Việt

Nam vẫn còn nhiều yếu điểm so với các quốc gia khác trong cuộc chiến trên thị trường PM&DV CNTT, thể hiện khá rõ trong đánh giá cũng chính của Gartner trong báo cáo cuối năm 2007.

Bảng 2.8 Đánh giá của Gartner về điểm mạnh, yếu của một số quốc gia trong gia công PM&DV CNTT, nguồn: Gartner Report 10/2007

Một nghiên cứu khác rất đáng được quan tâm là của của KPMG. Nghiên cứu này đã đánh giá 31 thành phố trên thế giới có tiềm năng tốt về gia công PM và DV. Họ cũng xác định thế mạnh của từng thành phố này trong các hướng outsourcing có thể và cung cấp những thông tin căn bản về năng lực cụ thể của các thành phố này. Tiếc rằng, nếu đem so sánh những thông tin có được về các thành phố trong danh sách 31 thành phố này thì thông tin về thành phố Hồ Chí Minh và năng lực CNpPM&DV CNTT của nó khá nghèo nàn.

City	IT services	Call center	Back-office services	R&D	Eng. services	Other services
North and South America						
Buenos_Aires (Argentina)	y	y			y	Creative services
Campinas (Brazil)	y			y		
Curitiba (Brazil)	y		y			
Calgary (Canada)	y				y	
Winnipeg Canada)	y	y	y			
Santiago (Chile)	y	y	y			
Guadalajara (Mexico)	y		y			
Queretaro (Mexico)	y	y				
Boise (Mỹ)	y			y		
Indianapolis (Mỹ)	y					
Asia, India, Japan and Australia						
Brisbane (Australia)	y			y		Analytics
Changsha (China)	y					Animation & gaming
Hangzhou (China)	y		y			
Ahmedabad (India)	y		y		y	
Jaipur (India)	y	y	y			
Nagpur (India)	y				y	
Penang (Malaysia)	y		y			
Davao City (Philippines)	y	y				
Iloilo City (Philippines)		y	y			Animation
HoChiMinh City (VN)	y	y	y			
Europe, Middle East and Africa						

Sofia (Bulgaria)	y	y	y			
Zagreb (Croatia)	y			y		
Cairo (Egipt)	y	y				
Port_Louis (Mauritius)	y	y				Disaster recovery
Belfast (Northern Ireland)		y	y	y		
Gdansk (Poland)	y					Data Mgt
Cluj-Napoca (Rumania)		y	y	y		
Rostov on Don (Russia)	y					
Belgrade (Serbia)	y				y	
Tunis (Tunis)	y	y	y			
Lviv (Ukraine)	y			y	y	

Exploring Global Frontiers, nguồn: KPMG (2/2009)

Những đánh giá trên đây, dù chưa thực sự lạc quan cũng nói lên thành công lớn của ngành CNpPM&DV CNTT của chúng ta. Chính chúng ta cũng tự hiểu rằng chúng ta còn rất nhiều thách thức phải vượt qua để trở thành quốc gia mạnh trong lĩnh vực này trên thị trường quốc tế.

IV. Một phác thảo so sánh sự thành công của CNpPM&DV CNTT và sự thành công của dự án khai thác tài nguyên thiên nhiên

Theo ông Nguyễn Minh Thuyết, đại biểu Quốc Hội tỉnh Lạng Sơn phát biểu tại kỳ họp Quốc Hội diễn ra vào tháng 5 & 6 /2009 (báo Tuổi Trẻ, thứ 4 ngày 27/05/2009) cho biết dự án bôxít từ nay đến năm 2025 sẽ cần huy động vốn đầu tư chừng 190000 – 250000 tỷ. Các báo cáo khác cho biết thời gian hoàn vốn là 20 – 30 năm tiếp theo. Nghĩa là chúng ta cần đầu tư cỡ 10 – 12 tỷ USD trong khoảng 15 năm tới đây cho dự án này. Theo ông Đoàn Văn Kiển Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Than và khoáng sản Việt Nam, đơn vị trách nhiệm về dự án bôxít, thì “*Lỗi hay lỗi bây giờ chỉ là dự đoán. Chúng tôi nói có lỗi, các nhà khoa học bảo không. Khoa học và thực tế bao giờ cũng là 50:50*” (phát biểu của ông Kiển với báo điện tử Tuần Việt Nam bên lề cuộc hội thảo bô-xít diễn ra tại Hà Nội vào đầu tháng 4/2009). Cứ cho là dự án này sẽ thành công theo suy nghĩ của ông Kiển thì chúng ta sẽ thu về số tiền đó trong vài chục năm tiếp theo. Đó là phác họa về một dự án thuộc loại khai thác tài nguyên thiên nhiên đã được Quốc Hội thảo luận gần đây.

Nếu đầu tư để phát triển CNpPM&DV CNTT, mà như chúng ta đều biết là đầu tư cho CNpPM&DV CNTT thì 80% đầu tư phải tập trung cho đào tạo kỹ sư PM giỏi, có trình độ quốc tế, thì ta sẽ được gì với đầu tư cỡ đó từ nay tới 2025? Ngân ấy tiền sẽ đủ để đào tạo đến nơi đến chốn (xin nhắc lại là đến nơi đến chốn!) khoảng 1000.000 (một triệu) kỹ sư phần mềm. Với mỗi 10.000 USD thì sẽ đào tạo được 1 kỹ sư phần mềm đủ sức làm việc trên thị trường quốc tế. Thanh niên Việt Nam ẩn chứa trong mình tiềm năng quý giá này nhưng chưa đủ điều kiện để phát huy. Có thể tạm so sánh hiện tượng này giống như tài nguyên khoáng sản có trong lòng đất mà chưa được khai thác, chưa được tinh lọc, tinh luyện. Trong khoảng 15 năm tới đây, chúng ta tập trung các điều kiện để có thể khai thác vùng tài nguyên “*trí tuệ thế hệ trẻ Việt Nam*”, sẽ tinh lọc và tinh luyện để có được 1 triệu kỹ sư đủ khả năng độ sức trên thị trường công nghiệp phần mềm quốc tế. Những người

Cần dũng cảm và có thể phải cả thất lưng buộc bụng để đầu tư vào con người, đặc biệt cho thị trường công nghiệp phần mềm quốc tế. Với 15 tỷ USD hàng năm từ công nghiệp phần mềm vào năm 2026, trí tuệ Việt Nam có thể ngẩng cao đầu trước thế giới, điều mà việc khai thác tài nguyên thiên nhiên dù loại gì cũng không thể đạt được cả về tiền bạc, cả về sự trường tồn và nhất là niềm kiêu hãnh của đất nước và con người Việt Nam.

Phần III

Suy nghĩ về hành động của chúng ta nhằm đưa CNpPM&DV CNTT VN lên vị trí chiến lược trong chiến lược chung phát triển đất nước và lên tầm cao quốc tế

Trong 2 phần trên, chúng ta đã thấy toàn cảnh CNpPM&DV CNTT nước ta trong khung cảnh các ngành công nghiệp khác ở nước ta và trong khung cảnh thị trường CNTT quốc tế hiện nay. Có thể rút ra những kết luận quan trọng, nhận định về thời cơ, thách thức trong nước và quốc tế đối với sự phát triển CNpPM&DV CNTT ở nước ta.

I. Nhận định về thời cơ & thuận lợi, thách thức & khó khăn cho CNpPM&DV CNTT Việt Nam.

Thời cơ & thuận lợi quốc tế

1. Thị trường CNTT quốc tế bị tác động mạnh của suy thoái kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, chính CNTT lại là một trong những giải pháp giúp các doanh nghiệp cắt giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh, điều mà bản chất CNTT đã có nhưng càng rõ hơn trong tình hình suy thoái hiện nay. Vì vậy, các doanh nghiệp tiết giảm chi tiêu về trang thiết bị CNTT nhưng không giảm chi tiêu cho phần mềm, dịch vụ, không giảm nhu cầu outsourcing, mà trái lại, còn coi những chi phí ở đây là một trong những giải pháp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả SX-KD để thoát khỏi suy thoái. Trong những dự án Outsourcing thì họ cố gắng tìm kiếm các cơ hội đảm bảo chất lượng nhưng tiết giảm giá, nhu cầu này trở nên nổi bật hơn nhiều so với những thời kỳ trước suy thoái. Như vậy, cơ hội cho CNpPM&DV CNTT của Việt Nam là còn nguyên, thậm chí còn có thể ít nhiều thuận lợi hơn trước vì dù sao giá của chúng ta vẫn còn là một lợi thế, tuy chất lượng vẫn là yêu cầu hàng đầu. Hiện nay, một số doanh nghiệp phần mềm và dịch vụ CNTT Việt Nam đang gặp khó khăn trong việc tìm kiếm cũng như tiếp tục những dự án quốc tế. Đó là một thực tế không thể lẩn tránh. Tình hình này đòi hỏi bản thân các doanh nghiệp phải tự vượt qua bằng những phân tích thị trường một cách tỉnh táo. Mặt khác, nhà nước cần chung tay giúp các doanh nghiệp này tận dụng được những thời cơ quốc tế còn rất tiềm năng, nhưng cũng rất khó nắm bắt do cạnh tranh gia tăng. Điều quan trọng hàng đầu là không để lực lượng của các doanh nghiệp này bị tổn thất.
2. Thương Hiệu CNpPM&DV CNTT Việt Nam, sau rất nhiều nỗ lực của các doanh nghiệp và của cả Chính Phủ TW và các địa phương, đã được biết đến trên thị trường quốc tế. Thành phố Hồ Chí Minh với thương hiệu Công Viên Phần Mềm Quang Trung, đang thực sự hoạt động hiệu quả, cùng nhiều công ty gia công và dịch vụ có những dự án lớn với khách hàng quốc tế, đã được biết đến như những đại diện tin cậy của CNpPM&DV CNTT Việt Nam.

Thách thức & khó khăn quốc tế

1. Tuy Việt Nam, mà cụ thể là thành phố HCM đã được nói đến trong một số báo cáo về năng lực thực hiện các dự án gia công về phần mềm và dịch vụ CNTT, nhưng đọc kỹ các báo cáo đó thì phần đánh giá về Việt Nam nói chung và TP HCM nói

2. Cạnh tranh trên thị trường quốc tế sẽ khốc liệt hơn trước nhiều vì thị trường PM&DV CNTT dù không suy thoái nghiêm trọng nhưng có bị suy giảm. Những quốc gia hùng mạnh trong lĩnh vực này như Ấn Độ, Trung Quốc, Nga, Braxin, ... đang nỗ lực rất cao để ít nhất là giữ nguyên doanh số, tức gia tăng thị phần do giá bị down. Trong khi chúng ta còn đang trở mình khó khăn với con số chưa tới vài trăm triệu USD của các hợp đồng quốc tế thì ngay gần ta, Philippines đã có doanh số gấp gần 10 lần con số đó từ vài năm nay. Các báo cáo quốc tế nói chung cho rằng những cái còn thiếu của Việt Nam là: lực lượng lao động thích hợp cho thị trường này còn quá mỏng, mặt bằng tiếng Anh thấp, đảm bảo hạ tầng chưa tốt, ủng hộ của Chính Phủ chưa cao.

Thời cơ & thuận lợi trong nước

1. Những lợi điểm quan trọng của CNpPM&DV CNTT so với ngành CNTT nói chung và so với các lĩnh vực công nghiệp khác đã được thực tiễn chứng minh rõ ràng qua các số liệu thống kê của chính diễn biến kinh tế của nước ta chứ không chỉ là từ kinh nghiệm quốc tế hoặc là từ những ước đoán dù cũng định lượng nhưng quá khái quát. Điều cần làm để nắm lấy thời cơ này là làm cho những lợi thế to lớn của CNpPM&DV CNTT trong chiến lược phát triển đất nước được toàn xã hội nhận thức đầy đủ, được Đảng và Nhà Nước xem là một chiến lược kinh tế lâu bền và quan trọng của nước ta, cả nước xem đây là một trong những cơ hội lớn của sự nghiệp phát triển đất nước bằng con đường “*tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, phát huy tài nguyên nhân lực, xây dựng đất nước giàu mạnh bằng đầu tư tập trung cho con người Việt Nam có trí tuệ cao*”.
2. Nhu cầu bức thiết về hội nhập kinh tế và nhiều mối quan hệ quốc tế khác, nhu cầu ở mức độ mang tính cách mạng trong các hoạt động quản lý, tổ chức sản xuất của mọi doanh nghiệp, nhu cầu trong nâng cao hiệu quả của rất nhiều hệ thống xã hội như hệ thống hành chính, hệ thống giáo dục – đào tạo, hệ thống tài chính - thuế, hệ thống y tế, hệ thống giao thông – vận tải, hệ thống bảo hiểm v.v... đang đặt ra cho CNpPM&DV của chúng ta những nhiệm vụ to lớn, tạo ra cho CNpPM&DV CNTT những vị trí không thể phủ nhận, những thị trường rộng lớn. Lực lượng lao động trong CNpPM&DV CNTT của ta đã trưởng thành trong những năm qua, trên căn bản đủ sức triển khai hiệu quả các hệ thống ứng dụng CNTT cho các doanh nghiệp và những hệ thống dịch vụ xã hội dù có rộng lớn và phức tạp đến đâu cũng không quá tầm. Những quy luật của kinh tế thị trường sẽ chi phối mối quan hệ cung cầu này, tuy nhiên vai trò của những cơ quan quản lý nhà nước và các hội nghề nghiệp có ý nghĩa to lớn để thị trường này phát triển nhanh và lành mạnh.
3. Quan điểm của Chính Phủ về CNpPM&DV CNTT rất rõ ràng. Trong Quyết định 55/2007/QĐ-TTG ngày 23/04/2007 phê duyệt “*danh mục các ngành công nghiệp ưu tiên, ngành công nghiệp mũi nhọn giai đoạn 2007 - 2010, tầm nhìn đến năm 2020*” thì CNpCNTT được xác định là ngành công nghiệp mũi nhọn với những chính sách ưu đãi rất cụ thể. Các Quyết định 51/2007/QĐ-TTG ngày 12/04/2007 phê duyệt “*chương trình phát triển công nghiệp phần mềm Việt Nam đến năm 2010*”, Quyết định 56/2007/QĐ-TTG ngày 03/05/2007 phê duyệt “*Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam đến năm 2010*” đã khẳng định vai trò,

Thách thức & khó khăn trong nước

1. Mặc dù đã có những văn bản quan trọng về CNpPM&DV CNTT như đã nêu trên, tuy nhiên sức sống của những chủ trương, chính sách đó còn yếu ớt, vị trí chiến lược và thời cơ to lớn của CNpPM&DV CNTT trong chiến lược chung phát triển đất nước chưa được đặt ra, chưa được minh chứng, đôi khi được nêu ra trong giới CNTT thì cũng chưa có những phân tích sâu sắc để đạt được sự thống nhất ngay trong giới CNTT chứ chưa nói đến các chuyên gia kinh tế, chính trị và các nhà hoạch định chính sách. Vị trí đích thực của CNpPM&DV CNTT ở nước ta chưa bao giờ được nêu lên trong những diễn đàn quan trọng như tại QH và nếu có dịp được bàn đến thì khả năng biến thành chiến lược quốc gia cũng rất khó có thể đạt được. Không ai phủ nhận CNpPM&DV CNTT nhưng nó còn nhỏ bé quá, ít ai tin ngành này có thể là Phù Đổng của nước Việt Nam hiện đại.
2. Những hiểu biết cần thiết liên quan đến CNTT của các cán bộ quản lý trong mọi ngành của ta còn thiếu. Điều này dẫn đến những ngộ nhận về vị trí, vai trò của các ứng dụng CNTT và không ít trường hợp dẫn đến những đầu tư sai lầm, gây tác hại cho các nhà đầu tư ứng dụng CNTT, tác hại to lớn đến thị trường CNpPM&DV CNTT trong nước và cho cả hình ảnh của CNTT nói chung.
3. Nạn tham nhũng là kẻ thù số 1 của những ứng dụng CNTT lành mạnh và hiệu quả. Chúng ta đang phải chiến đấu quyết liệt với tham nhũng trong nhiều lĩnh vực và tồn tại khắp nơi. Tham nhũng công với hiểu biết hời hợt đã làm méo mó nhiều phần mềm và dịch vụ CNTT. Đây là điều chưa khi nào chúng ta nói đến. Tuy nhiên nếu còn tham nhũng tràn lan thì CNpPM&DV CNTT trong nước khó mà đứng vững chứ chưa nói phát triển. Một mặt CNTT là vũ khí chiến đấu hiệu quả chống và ngăn ngừa tham nhũng, nhưng mặt khác vũ khí này có thể bị vô hiệu, thậm chí quay ngược chống lại sự ngay thẳng, lương thiện. Tham nhũng còn tạo chỗ đứng cao, sai vị trí cho những giải pháp CNTT chất lượng thấp, tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh.

II. Suy nghĩ và đề xuất quyết tâm chiến lược cho sự phát triển đất nước với CNpPM&DV CNTT là một trong những ngành công nghiệp chiến lược

1. Với những phân tích đã trình bày trên, chúng tôi cho rằng: *Không có ngành kinh tế nào*

Hiểu thế nào là một ngành công nghiệp chiến lược? Tiến sĩ Yawa Hedcrick-Wong, cố vấn

Theo Quyết định 55/2007/QĐ-TTG ngày 23/04/2007 phê duyệt “*danh mục các ngành công*

- Cơ khí chế tạo, bao gồm ô tô, đóng tàu, thiết bị toàn bộ, máy nông nghiệp, cơ điện
- Thiết bị điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin;
- Sản phẩm từ công nghệ mới bao gồm năng lượng mới, năng lượng tái tạo, công

Cũng theo QĐ này, 7 ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển là dệt may, da giày, nhựa,

Chúng ta chưa dám xem danh mục này là những ngành “công nghiệp chiến lược” của nước ta tới năm 2020. Tuy nhiên, chưa có văn bản nào cao hơn nói về những ngành công nghiệp xem là quan trọng và được ẩn chứa trong 2 thuật ngữ “*mũi nhọn*” và “*ưu tiên*” của nước ta trong khoảng 10 – 15 năm tới đây. Vì vậy tạm xét trong 10 lĩnh vực này, lựa chọn ra một vài ngành thể hiện rõ những đặc trưng sau:

1. Phát huy được những lợi thế tương đối của Việt Nam, đặc biệt là về nguồn nhân lực có trí tuệ và được đào tạo,
2. Có thể phấn đấu đạt khả năng cạnh tranh sắc bén,
3. Có tiềm năng chiếm lĩnh thị trường quốc tế,
4. Có tác động lớn thúc đẩy nhiều hoạt động xã hội, nhiều ngành kinh tế khác, tác động tốt đến môi trường, góp phần bảo vệ an toàn, an ninh cho đất nước.

Những ngành này có thể xem là ngành công nghiệp rất quan trọng trong 10 lĩnh vực quan trọng nêu trong Quyết định 55/2007/QĐ-TTG. Chúng ta sẽ coi đó là những “*ngành công nghiệp chiến lược*” của nước ta trong những năm tới đây. Việc lựa chọn ngành nào là ngành mũi nhọn, là ngành ưu tiên cũng đã qua rất nhiều thảo luận. Phương án 14 ngành, 11 ngành, ... cuối cùng cũng chốt lại với phương án 10! Từ 10 lĩnh vực đó, những ngành cụ thể nào thỏa mãn 4 tiêu chí nêu trên? Có lẽ một trong những ngành đó chính là CNpPM&DV CNTT. Có thể còn các ngành khác, nhưng ta không bàn đến tại đây. Dĩ nhiên việc chọn “*ngành công nghiệp chiến lược*” cũng không dễ hơn việc chốt 10 lĩnh vực quan trọng nhưng cũng không phải là việc khó lắm. Điều quan trọng hơn là đề ra các mục tiêu cần đạt được, các cơ chế, chính sách, các giải pháp về nhiều mặt để đạt được mục tiêu cho ngành đã được lựa chọn. Điều đơn giản dễ thấy nhất là những mục tiêu phải rất thuyết phục, các cơ chế, chính sách phải rất đặc biệt, các giải pháp phải mạnh, cụ thể, khôn ngoan và tuyệt đối loại trừ tham nhũng.

Nếu CNpPM&DV CNTT được chọn là ngành “*công nghiệp chiến lược*” của nước ta trong khoảng 15 năm tới đây thì mục tiêu lớn cần đạt được tới khoảng những năm 2025 là: ***CNpPM&DV CNTT Việt Nam có vị trí trong các quốc gia hàng đầu thế giới.***

2. Thách thức và khó khăn để làm cho CNpPM&DV CNTT Việt Nam có vị trí trong các quốc gia hàng đầu thế giới là rất lớn. Điều kiện quan trọng số 1 để biến ước mơ này thành hiện thực là trong khoảng 15 năm tới đây, chúng ta có được khoảng một triệu kỹ sư phần mềm trình độ ngang tầm quốc tế. Làm được điều này thì chúng ta đã biến tiềm năng trí tuệ của người Việt Nam thành nguồn lực trí tuệ thực sự. Chúng ta không chỉ nói về tiềm năng trí tuệ, không chỉ để tiềm năng này biến thành sức mạnh với tốc độ chậm như hiện nay mà phải tạo ra tốc độ Phù Đổng cho sự lớn mạnh của nguồn lực này. Đó là thách thức cao nhất, là khó khăn lớn nhất mà chúng ta phải vượt qua. Tuy nhiên thời cơ và thuận lợi cũng rất lớn. Thị trường thế giới đủ để chấp nhận một CNpPM&DV CNTT Việt Nam hùng mạnh. Chúng ta sẽ không bàn thêm về việc liệu có lực lượng mạnh thì có vị thế quốc tế hay không mà xem đó là việc dĩ nhiên dù chúng ta biết rõ rằng: không phải vị trí ấy, thị trường ấy tự đến dù ta có lực lượng trí tuệ hùng hậu. Dù sao, vấn đề quan trọng và khó khăn hơn cả vẫn là ta có thể tạo ra nguồn lực mạnh hay không? Chúng ta chưa thể thấy hết những thuận lợi và khó khăn để xây dựng đội quân tinh nhuệ 1 triệu người trong 15 năm tới. Tuy nhiên có thể nói ngay rằng những con số hiện nay đã khá thuyết phục để không làm chúng ta cảm

Năm	2006	2007	2008	2009 (dự báo)	2010 (dự báo)	2011 (dự báo)
Tuyển sinh ĐHCNTT	13765	17685	23480	30530	39700	51600
Tăng trưởng		28,5%	32,8%	30%	30%	30%

Báo cáo của HCA VIO 2008 và dự báo sơ bộ những năm sau

Trong thực tế không thể duy trì tốc độ gia tăng quá cao, đến khoảng 30% như hiện nay. Tốc độ sẽ phải chậm lại là một hiện tượng khách quan. Giả sử rằng từ 2011, năm bắt đầu cho giai đoạn mới của CNpPM, tốc độ gia tăng tuyển sinh vào các đại học CNTT sẽ giảm đi (cũng là cần thiết để tập trung cho vấn đề chất lượng) chỉ còn khoảng 20%, tới năm 2016 chỉ còn 10%, từ 2021 còn 5% và từ 2026 không gia tăng nữa thì vào năm 2025 ta sẽ có tổng cộng 1.470.000 kỹ sư CNTT (tính đến số vào trường vào năm 2022, ra trường vào 2025) và giả sử 70% số đó là kỹ sư PM thì ta có 1.030.000 KS PM, là con số mà ta mong ước.

Tóm lại, HTH TP HCM cho rằng: ***Không có ngành kinh tế nào ẩn chứa tiềm năng mang lại hiệu quả toàn diện và to lớn hơn trong khoảng 15 - 20 năm tới đây cho đất nước ta so với CNpPM&DV CNTT và khả năng để Việt Nam có mặt trong các quốc gia hàng đầu về CNpPM&DV CNTT vào khoảng năm 2025 là hiện thực. Trong chiến lược chung phát triển đất nước, ngành CNpPM&DV CNTT cần được đặt ở vị trí một ngành công nghiệp chiến lược. Khó khăn lớn nhất phải vượt qua là từ nay tới đó, chúng ta cần đào tạo được khoảng 1 triệu KSPM có trình độ quốc tế. Mục tiêu này không quá tầm tay của chúng ta, nhưng đòi hỏi quyết tâm cao của Đảng và Nhà Nước, sự đồng thuận và những nỗ lực cao độ của toàn xã hội.***

Trên đây là thông điệp chính mà HCA muốn chuyển tới toàn xã hội, chuyển tới các cơ quan lãnh đạo cao nhất là Đảng, Quốc Hội, Chính Phủ. Hội Tin Học TP HCM hy vọng những ý kiến này sẽ được tiếp tục thảo luận, được thẩm định kỹ lưỡng và nếu là chính xác thì sẽ biến thành kế hoạch hành động.

III. Một số việc quan trọng cần làm

Những công việc nói đến ở đây là nhằm mục tiêu: đặt CNpPM&DV CNTT VN vào vị trí của một ngành công nghiệp chiến lược trong chiến lược chung phát triển đất nước, chứ không phải là bàn về việc phát triển CNpPM&DV CNTT như một ngành công nghiệp mũi nhọn theo tinh thần các văn bản hiện nay. Để CNpPM&DV CNTT có thể được đặt ở vị trí chiến lược, chúng ta cần làm một số việc sau:

1. Tiếp tục tìm cách chứng minh, thẩm định chặt chẽ hơn nữa những kết luận mà báo cáo này đưa ra. Trước hết, đó là: ***không có ngành kinh tế nào ẩn chứa tiềm năng mang lại hiệu quả toàn diện và to lớn hơn trong khoảng 15 - 20 năm tới đây cho đất nước ta so với CNpPM&DV CNTT.*** Đảng, Quốc Hội, Chính Phủ, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp có liên quan sẽ kiểm chứng lại kết luận trên. Báo cáo mà HCA

2. Giả sử rằng chúng ta đã phân tích chắc chắn để đưa CNpPM&DV CNTT vào vị trí ngành công nghiệp chiến lược thì điều quan trọng hàng đầu tiếp theo là phải có một chiến lược rất chính xác để phát triển ngành này. Các chủ trương, chính sách, các quyết định quan trọng mà Đảng và Nhà Nước đã ban hành cho đến nay về CNTT, CNpCNTT, CNpPM, ... nói chung chưa đặt CNpPM&DV CNTT thành ngành công nghiệp chiến lược trong chiến lược chung phát triển đất nước dù rất coi trọng ngành này. Có lẽ ở tầm cao nhất là cách đặt vấn đề trong Chỉ Thị 58 của Bộ Chính Trị mà chúng ta thường nói đến vào các năm 2000 tới 2005 cùng các văn kiện khác của thời kỳ này. Việc thực hiện các chủ trương này cũng như các chủ trương, chính sách tiếp theo hiện nay nói chung kết quả còn chưa tương xứng. Một khi CNpPM&DV CNTT đã là ngành mà *không có ngành kinh tế nào ẩn chứa tiềm năng mang lại hiệu quả toàn diện và to lớn hơn trong khoảng 15 - 20 năm tới đây cho đất nước ta* thì cách phát triển nó phải thay đổi hoàn toàn, phải xem nó là **vận nước**. Các Quyết Định 55/2007/QĐ-TTg, 51/2007/QĐ-TTg, 56/2007/QĐ-TTg, 698/QĐ-TTg ... đều chưa đặt CNpPM&DV CNTT ở tầm này dù có thể xem là những cơ sở tốt để xây dựng một chiến lược thể hiện sự tập trung trí và lực cao hơn rất nhiều. Nếu việc thảo luận hôm nay dừng lại ở mức tập trung vào việc làm sao triển khai có hiệu quả các QĐ 55/2007/QĐ-TTg, 51/2007/QĐ-TTg, 56/2007/QĐ-TTg, 698/QĐ-TTg ... thì có thể có rất nhiều đề xuất cụ thể. Tuy nhiên ở tầm chiến lược thì quan trọng nhất là chúng ta phải có một sự đồng thuận của toàn xã hội về thời cơ chín muồi và mang tính cách mạng của CNpPM&DV CNTT gắn với vận mệnh đất nước và ngay sau đó là một kế hoạch mang tầm chiến lược, được khẳng định ở tầm cao nhất như ở Đại Hội Đảng, ở Quốc Hội.
3. Khi mà chiến lược phát triển CNpPM&DV CNTT đã được khẳng định ở tầm cao nhất thì một Bộ Chỉ Huy thao lược cần được tổ chức, một cao trào của thanh niên có học cả nước xung trận CNpPM cần được phát động và duy trì liên tục trong ít nhất 10 năm, tạo ra thế đứng vững chắc cho CNpPM&DV CNTT VN trên thị trường quốc tế để rồi guồng máy sẽ quay theo cơ chế thị trường của kinh tế tri thức toàn cầu.

Chúng tôi mong rằng những ý tưởng mà HCA trình bày hôm nay là sự khởi đầu một thời kỳ mới, thời kỳ mà CNpPM&DV CNTT có thể được đặt vào vị thế ngành kinh tế tri thức hàng đầu, ngành công nghiệp chiến lược cho tương lai của đất nước, CNpPM&DV CNTT sẽ được ghi nhận trong những văn kiện quan trọng nhất của quốc gia./.

Thành phố Hồ Chí Minh 7/2009

Worldwide IT Market in Today's Economic Recession, one Standpoint on the Position of the Vietnamese Software Industry in the National Development Strategy

Or: with regard to the thesis “*a precious graspable opportunity of the IT Service & Software Industry, which brings about a potentially enormous and overwhelming benefit to the country more than any other industries.*”

Part I. Outlines of the International IT Market in the current Economic Recession

- International IT market has reduced, not much and staggeringly
- Hardware Market has sharply declined
- Software and Service Market in 2009 remains constant compared with 2008
- Increasing demand for the Outsourcing Market at an approximately 10% price decrease

Part II. The Vietnamese IT Service and Software Industry (VN IT S&S Industry), a tiny component in the IT Industry, and in the Vietnamese economy generally, but full of potential

- The VN IT S&S Industry, a tiny industry in terms of other national ones
- The VN IT S&S Industry, an industry of full advantages compared with other national ones
- The VN IT S&S Industry, has begun to be known worldwide
- An outlined comparison of the success of the VN IT S&S Industry with that of the projects in the Mining Industry

Part III. In consideration of our actions to bring the VN IT S&S Industry to a strategic position in the general national development strategy, and to an international calibre

- Awareness of the opportunities, the advantages, the challenges and the difficulties of the VN IT S&S Industry
- Consideration and proposal on the development of IT S&S Industry as one of the strategic industries
- Some important and urgent issues to be solved